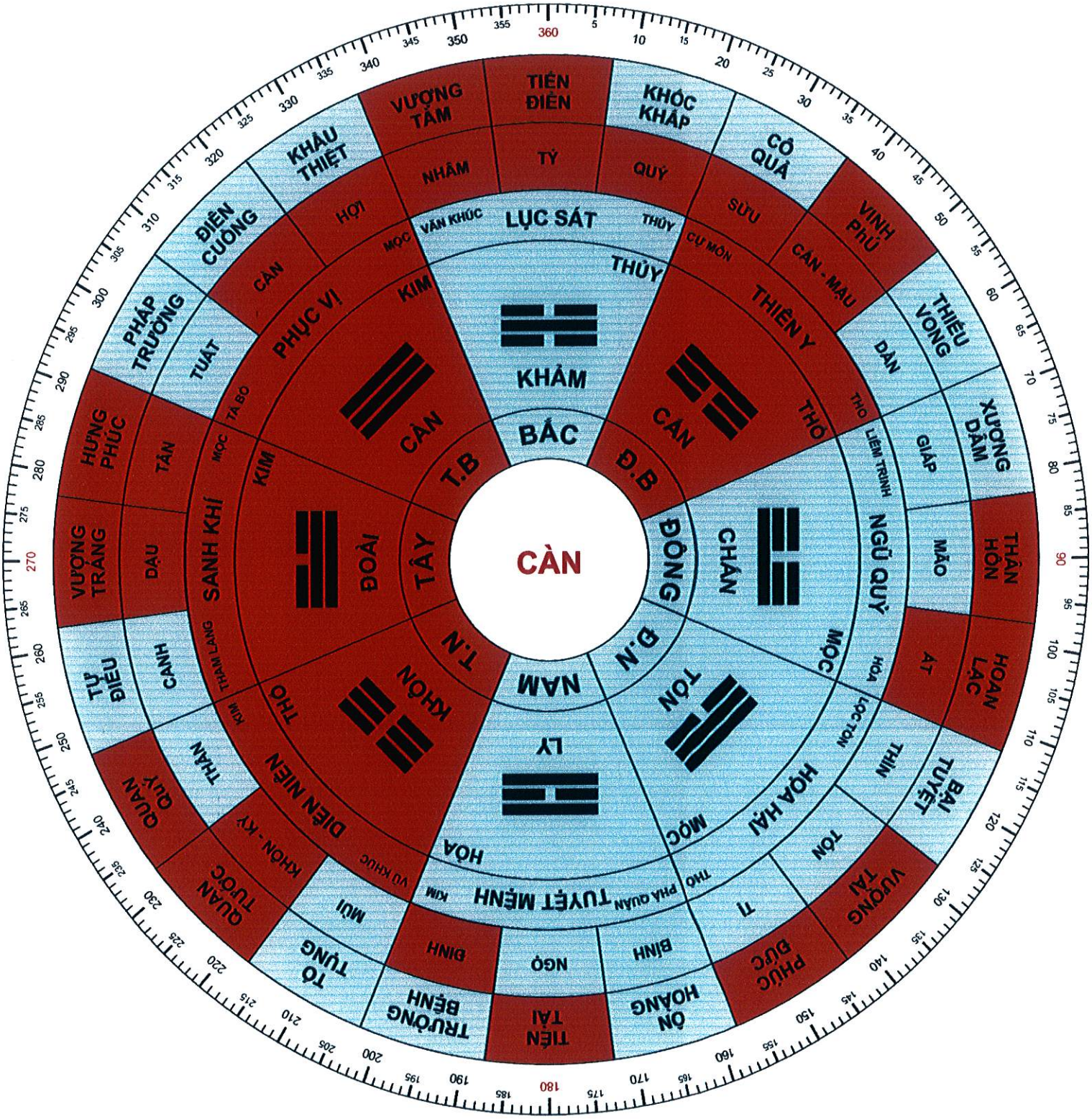
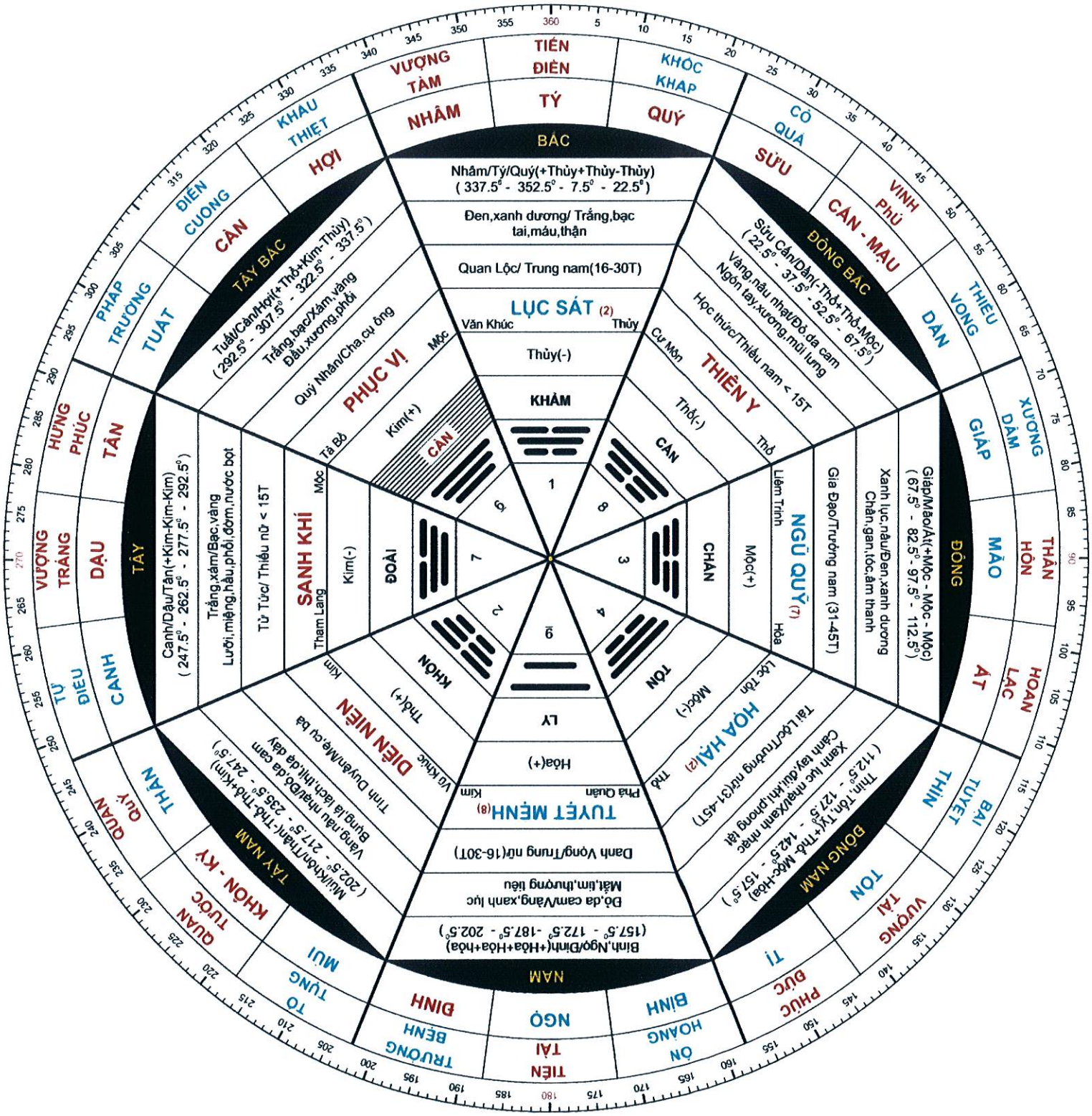
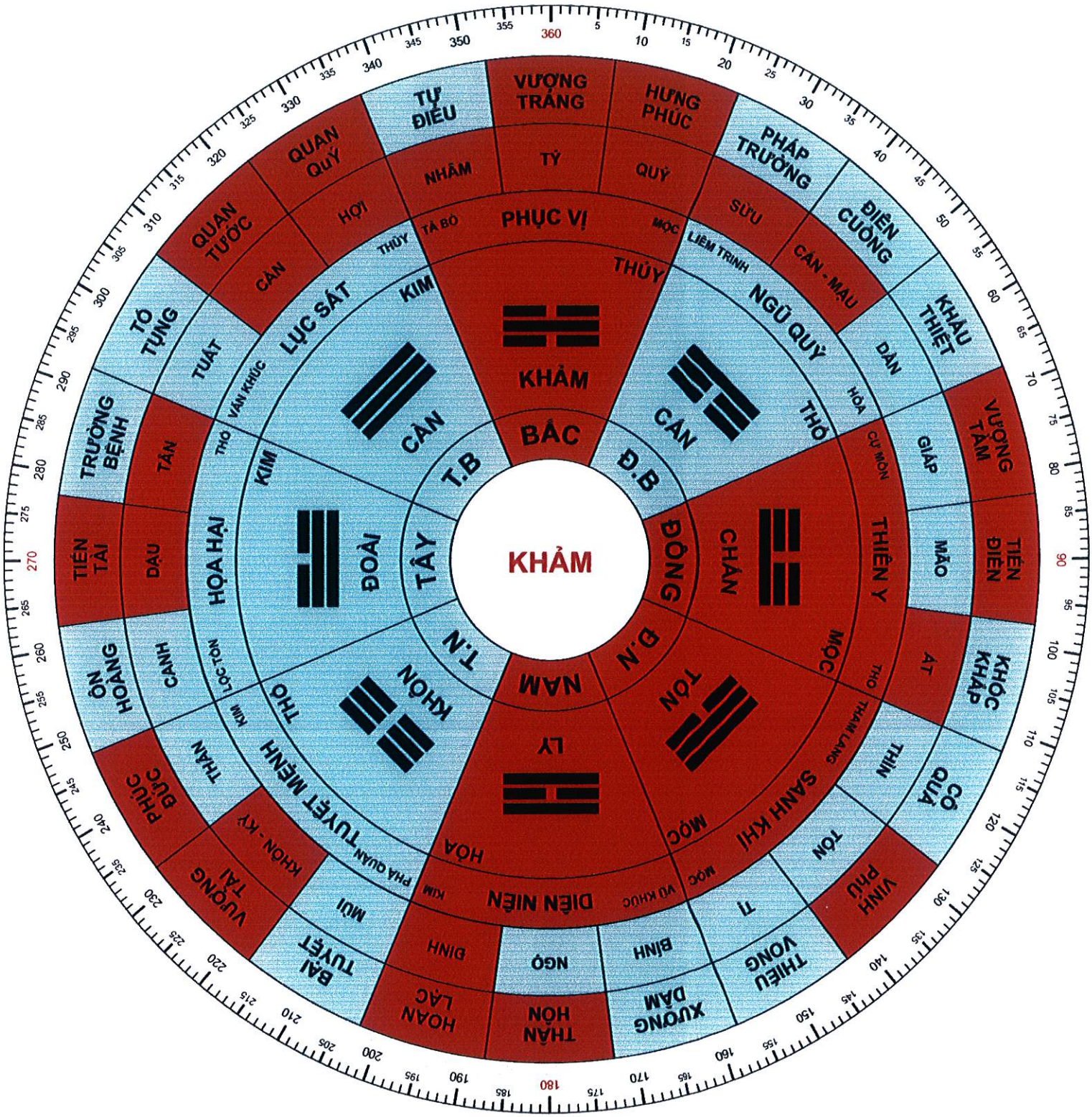
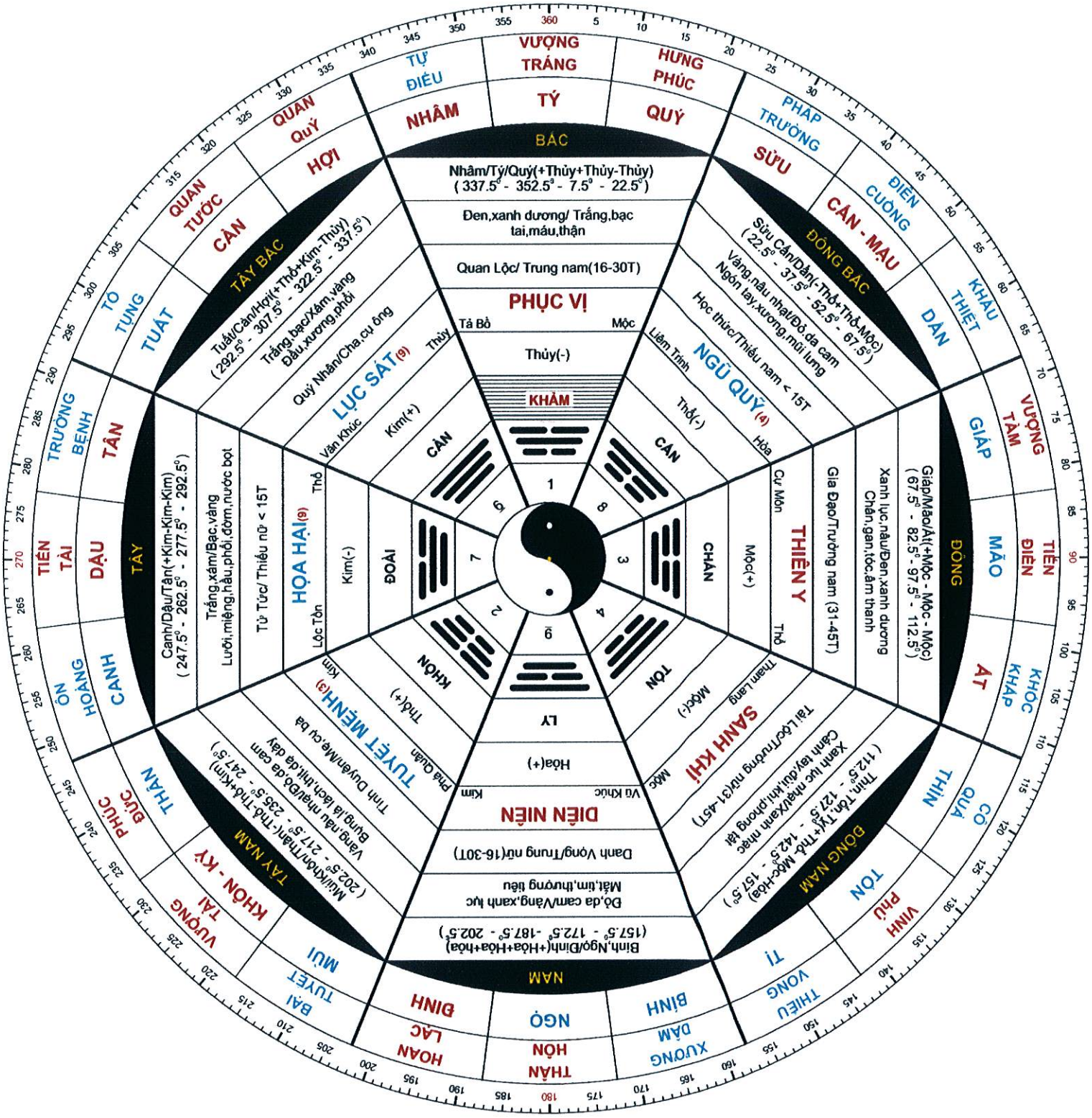
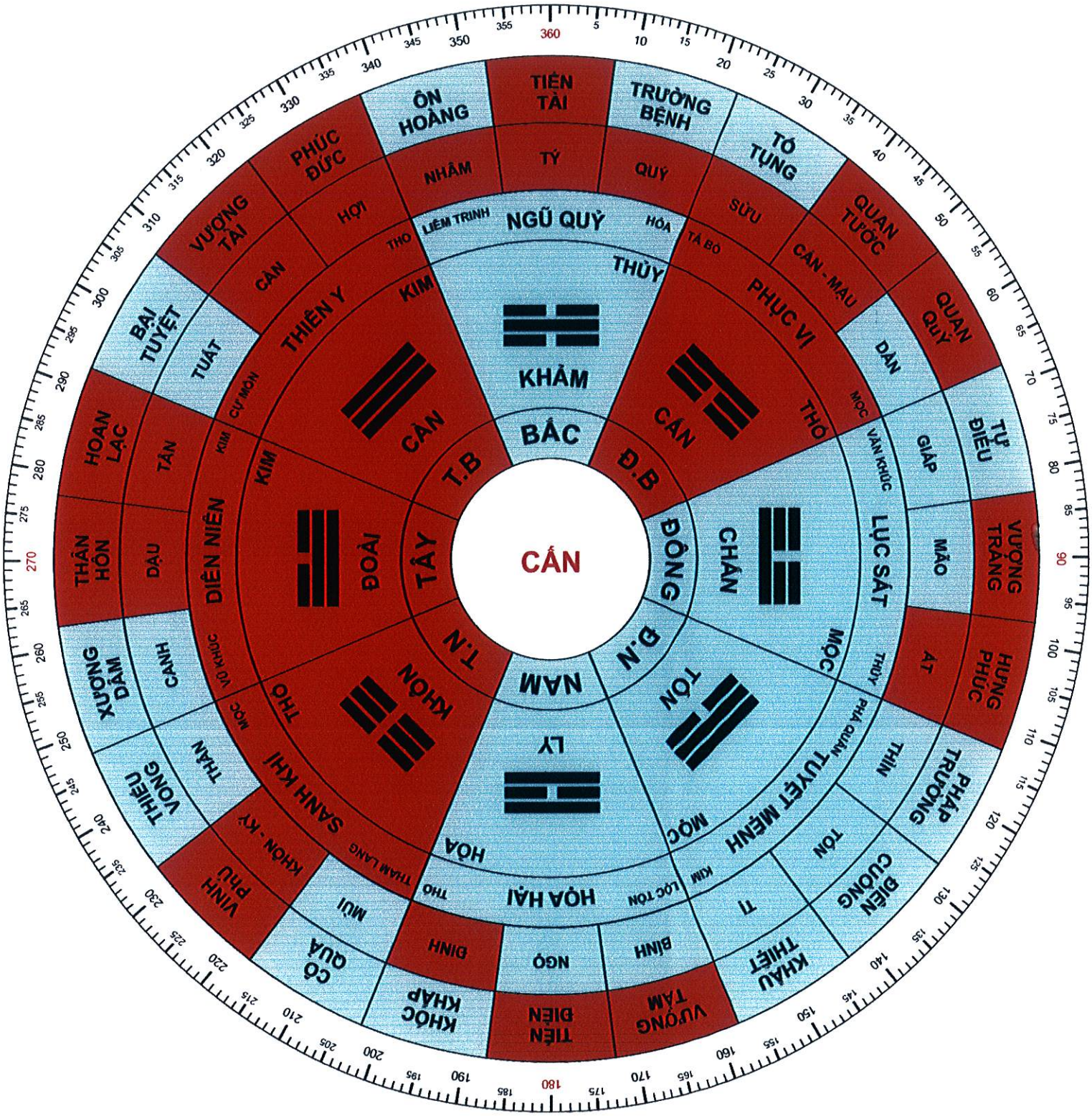
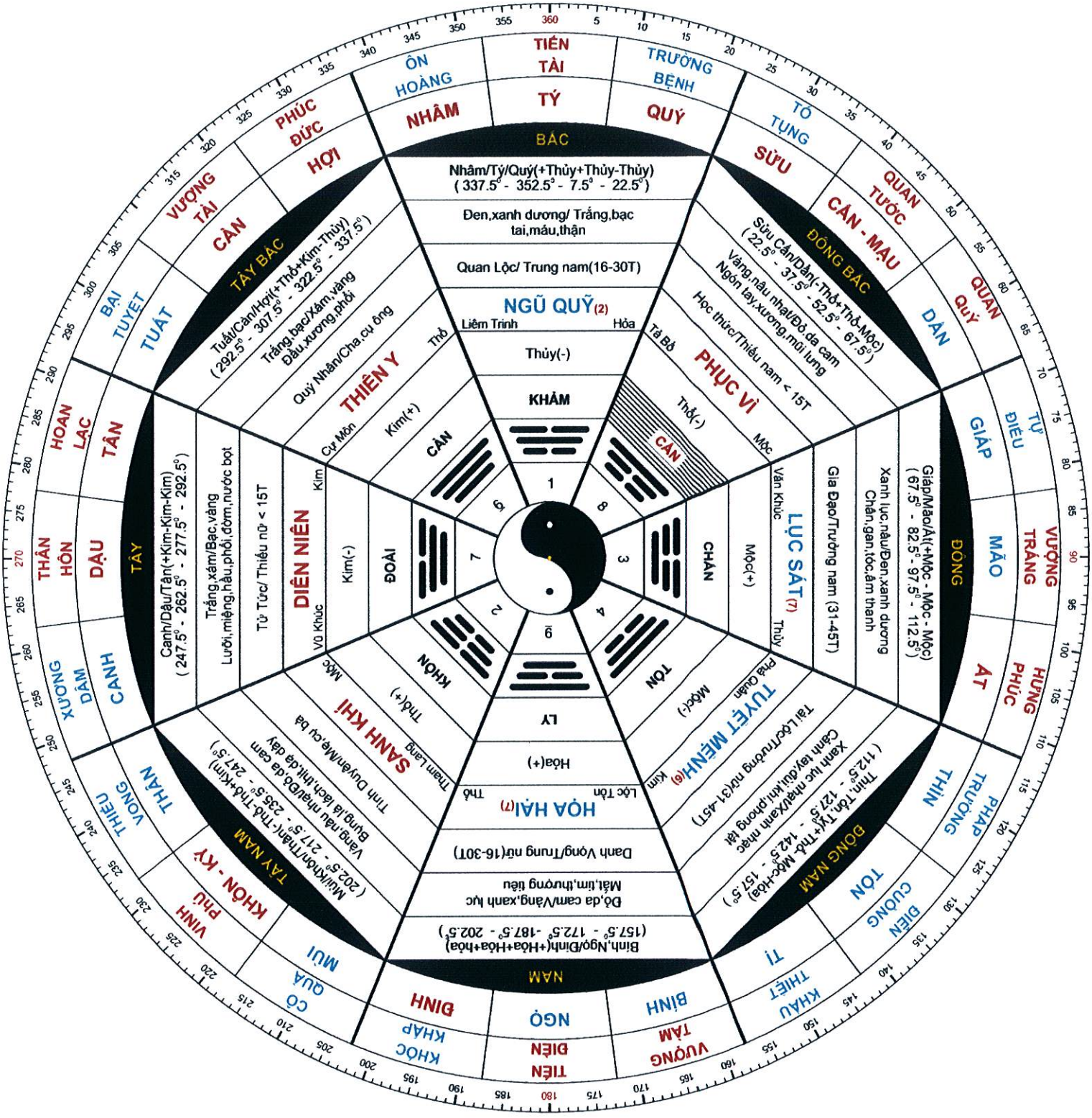

CÀN
BẮC
T.B
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
KIM
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
THỦY
MỘC
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
LIÊM TRINH
VŨ KHÚC
PHÁ QUÂN
CỰ MÔN
THAM LANG
TUYỆT MỆNH
DIÊN NIÊN
THIÊN Y
PHỤC VỊ
NGŨ QUỶ
HỌA HẢI
TUẾ
HỢI
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHỈ
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÁM
TIỀN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIÊU VONG
XƯƠNG ĐẨM
THẦN HỒN
HOÀN LẠC
TUYỆT BẢN
VƯỢNG TÀI
PHỤC ĐỨC
ỐN HOÀNG
TIỆN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
ĐIỀN CUỒNG
PHÁP TRƯỜNG
HƯỞNG PHÚC
VƯỢNG TRẠNG
TỰ ĐIỀU
QUAN QUỶ
QUAN TƯỚC
SANH KHÍ
0
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
360

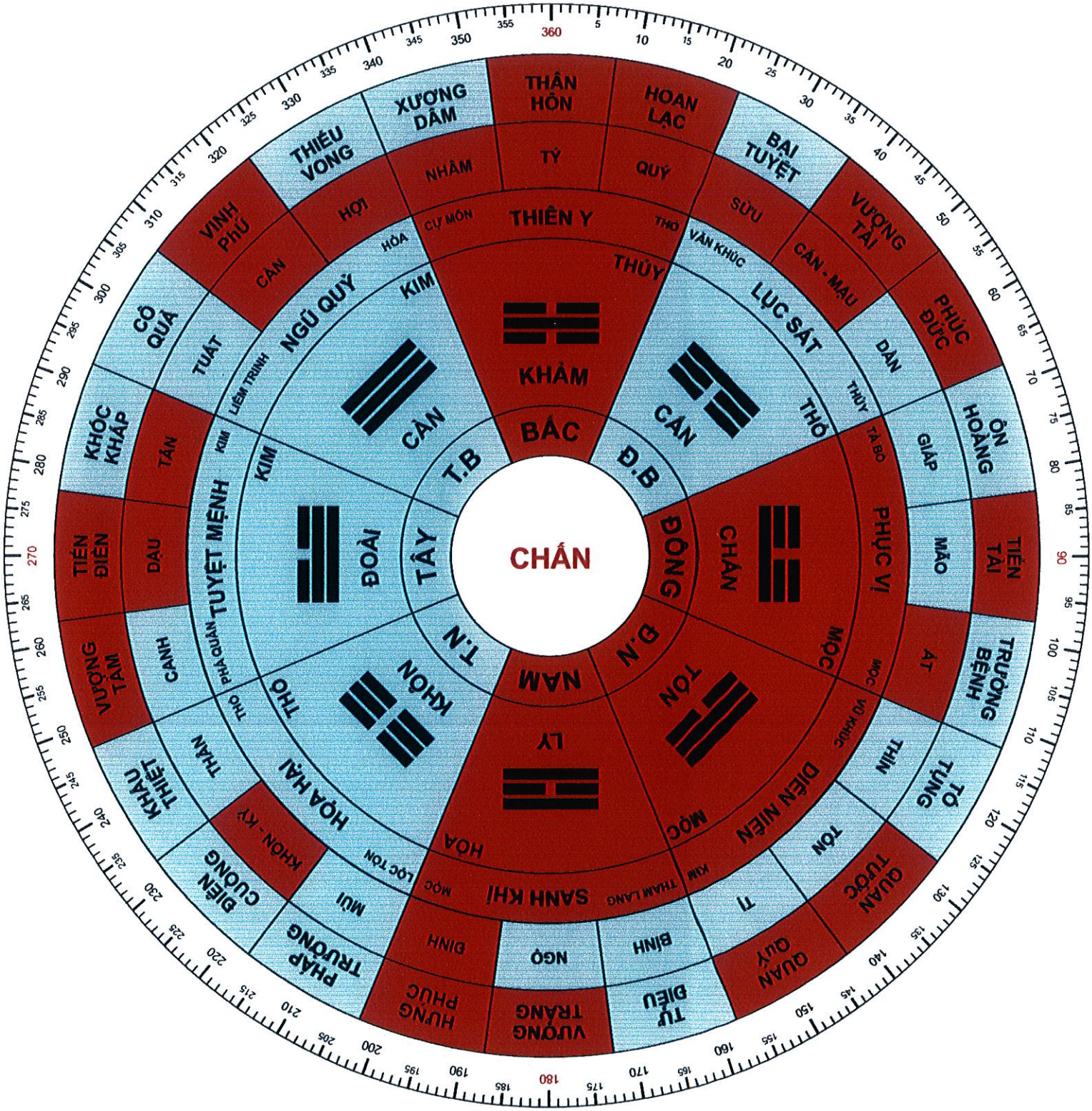

BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
LỤC SÁT (2)
Văn Khúc
Thủy
Thủy(-)
KHẢM
1
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ(-)
CẤN
8
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
NGŨ QUỶ (7)
Liêm Trinh
Hỏa
Mộc(+)
CHẤN
3
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỵ(-Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí phổng lại
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
HÒA HẢI (2)
Tham Lang
Thổ
Mộc(-)
TỐN
4
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
TUYỆT MỆNH (8)
Phá Quân
Kim
Hỏa(+)
LY
9
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,khí,dạ dày
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
DIỆN NIÊN
Vũ Khúc
Thổ(+)
KHÔN
2
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Từ Tức/ Thiếu nữ < 15T
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Kim(-)
ĐOÀI
7
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Mộc
Kim(+)
CẤN
6
KHẨU
THIỆT
HỚI
VƯỢNG
TÀM
NHẬM
TIẾN
ĐIỀN
TÝ
KHÓC
KHẤP
QUÝ
CÔ
QUẢ
SỬU
VINH
PHÚ
CẤN - MẬU
THIẾU
VONG
DẦN
XƯƠNG
ĐÀM
GIÁP
THẦN
HỒN
MÃO
HOẢN
LẠC
ẤT
THÌN
TUYỆT
BÀI
TỐN
TÀI
VƯỢNG
TỴ
PHỤC
ĐỨC
ÔN
HOÀNG
BÍNH
TIÊN
TÀI
NGỌ
TRƯỜNG
BỆNH
ĐINH
TỔ
TỤNG
MÙI
QUAN
TƯỚC
KHÔN - KỶ
THẦN
QUÝ
QUAN
DIỆU
CANH
TỬ
VƯỢNG
TRÁNG
DẬU
TÂN
HƯNG
PHÚC
PHÁP
TRƯỢNG
TUẤT
ĐIỀN
CƯƠNG
CẤN

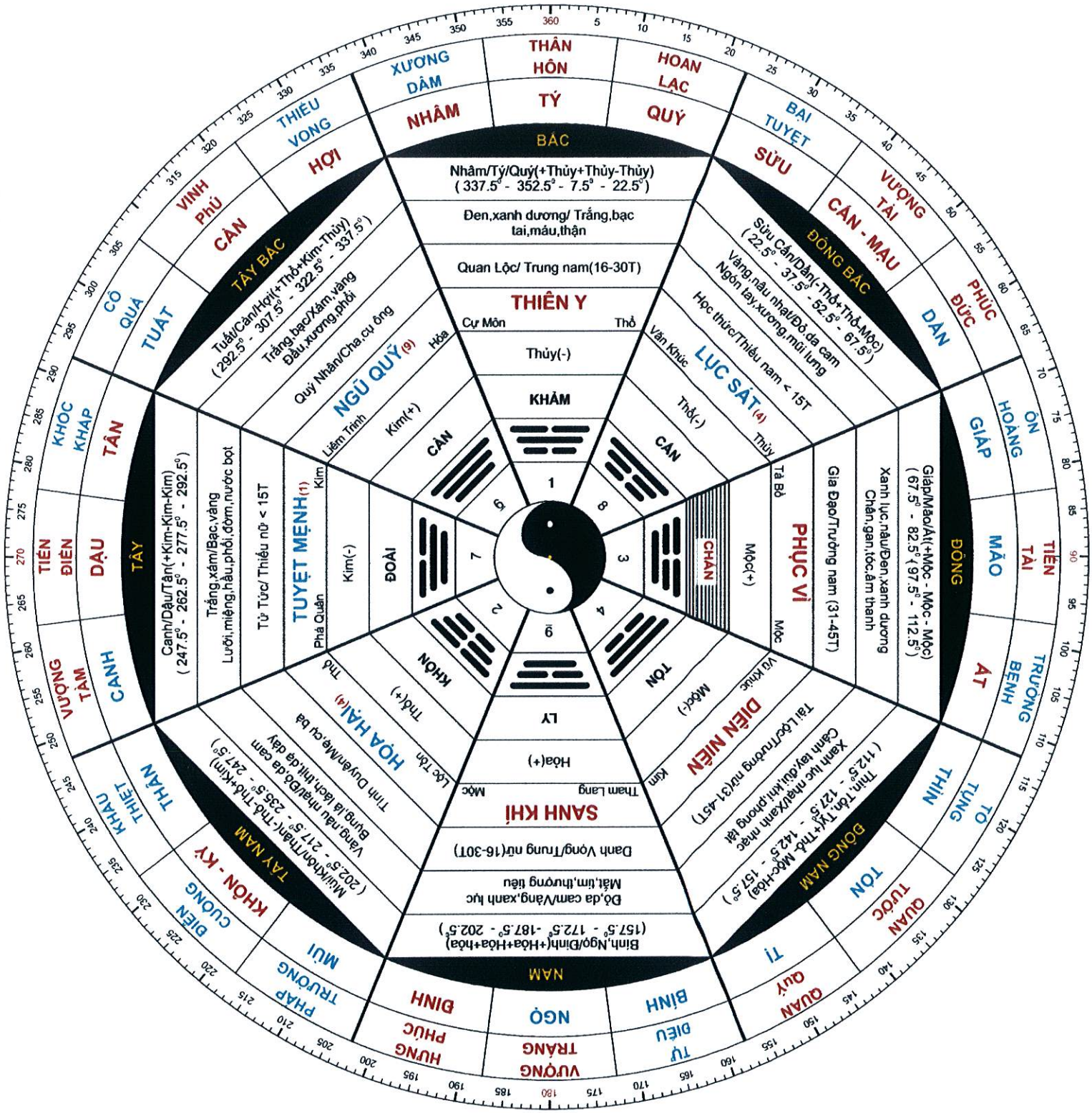

KHẢM
BẮC
Đ.B
CẤN
ĐÔNG
Đ.N
CHẤN
NAM
T.N
KHÔN
TÂY
T.B
ĐOÀI
PHỤC VỊ
THỦY
TÝ
NHÂM
TẢ BỒ
MỘC
QUÝ
HƯNG PHÚC
VƯỢNG TRẠNG
TỰ ĐIỀU
LIÊM TRINH
NGŨ QUỶ
THỔ
SỬU
CẤN - MẬU
PHÁP TRƯỜNG
HÒA
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỴ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
QUÝ
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÂM
TIỀN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CỔ QUẢ
VĨNH PHỤ
THIỀU VONG
XƯỚNG DÂM
HOẢN LẠC
THẦN HỒN
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHỤC BÌNH
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TÓ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUỶ
KHẨM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
KIM
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
KIM
THỔ
KIM
THỔ
THỦY
KIM
THỔ
LỘC TỒN
VĂN KHÚC
CỰ MÔN
LIÊM TRINH
VŨ KHÚC
THAM LANG
PHÁ QUÂN
TUYỆT MỆNH
SANH KHÍ
DIÊN NIÊN
THIÊN Y
T.B
T.N
T.N
Đ.N
Đ.B
Đ.B
T.B
T.B
Đ.N
Đ.N
Đ.B
T.N
T.B
Đ.B
Đ.N
T.N
KHẨM
0
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
360

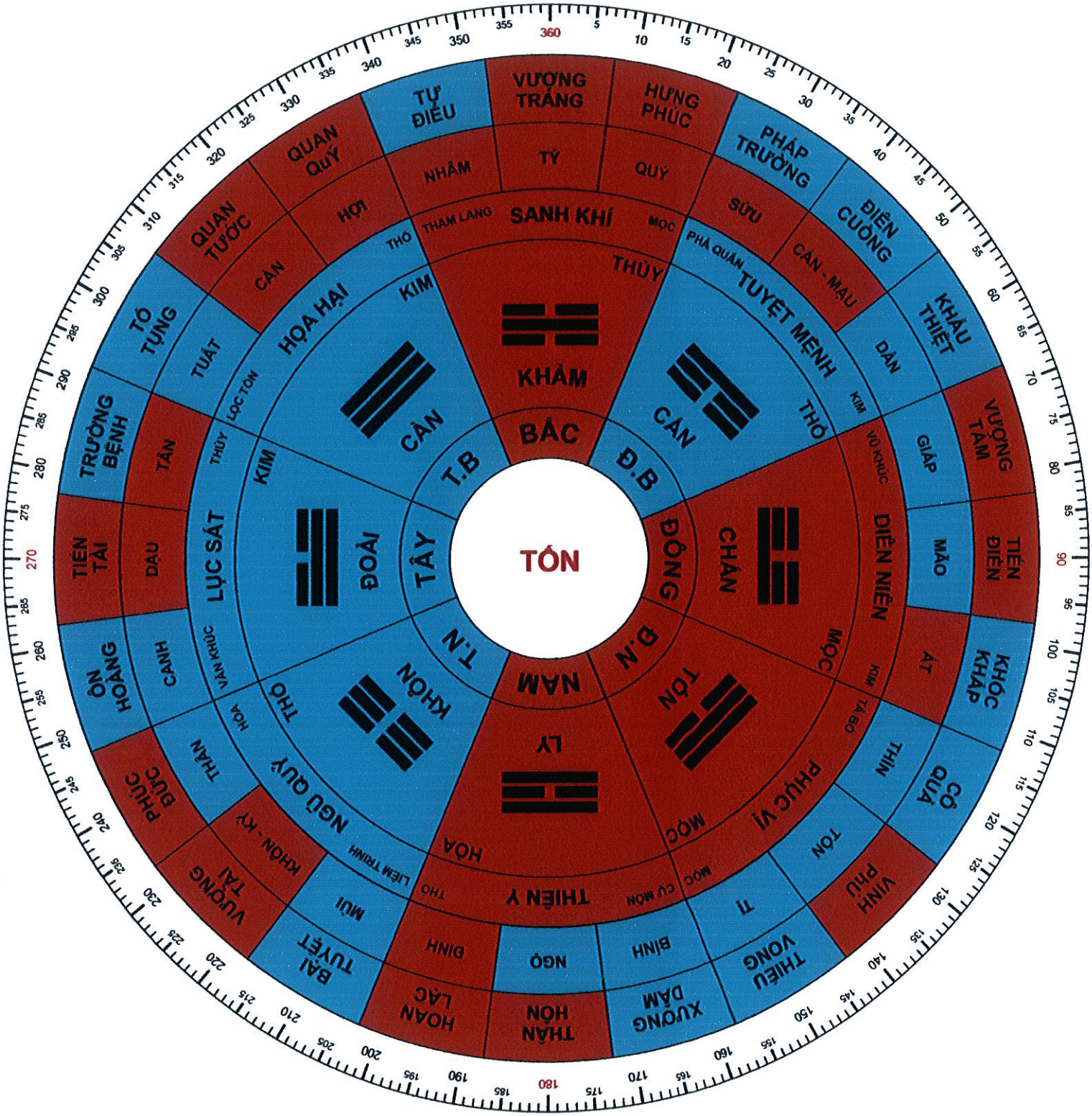

BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
PHỤC VỊ
Tả Bổ
Mộc
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
TỰ ĐIỂU
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
LỤC SÁT (9)
Thủy
Văn Khúc
Kim(+)
CẤN
6
8
CẤN
Thổ(-)
Liêm Trinh
NGŨ QUỶ (4)
Hỏa
Học thức/Thiếu nam < 15T
Ngón tay,xương,mũi lưng
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
QUAN QUỶ
HỢI
QUAN TƯỚC
CẤN
TỐ TỤNG
TUẤT
PHÁP TRƯỜNG
SỬU
ĐIỀN CƯỜNG
CẤN - MẠU
KHÂU THIỆT
DẦN
ĐÔNG BẮC
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
HỌA HẢI (9)
Thổ
Lộc Tồn
Kim(-)
ĐOÀI
7
2
KHÔN
Thổ(+)
Phá Quân
TUYỆT MỆNH (3)
Kim
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
Bụng,ỉa lách,lhh,dạ dày
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 232.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
TRƯỜNG BỆNH
TÁN
TIỀN TÀI
DẬU
ÔN HOÀNG
CANH
TÂY NAM
THÂN
BỤC PHỤC
KHÔN - KỶ
VƯỢNG TÀI
MÙI
BÀI TUYỆT
9
LY
Hỏa(+)
Kim
Vũ Khúc
DIỄN NIÊN
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
Mắt,tim,thượng tiêu
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
NAM
BÍNH
NGỌ
ĐINH
XƯƠNG DẨM
THẦN HỒN
HOẢN LẠC
4
TỐN
Mộc(-)
Thám Lang
SANH KHÍ
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
Chân tay,đùi,khí,phổng tật
Xanh lục nhạt/Xanh mạc
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Thìn,Tốn,Tỷ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
ĐÔNG NAM
THIÊN Y
Thổ
Cự Môn
Mộc(+)
CHẤN
3
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
ĐÔNG
THỊN
CỔ QUẢ
GIÁP
MÃO
ẤT
VƯỢNG TÂM
TIỀN ĐIỀN
KHÚC KHẤP
KHẨU THIỆT
DẦN
TỐN TỤ
VINH PHÚ
THIỀU VONG
TỈ
ĐIỀN CƯỜNG
CẤN - MẠU
KHẨU THIỆT
DẦN
ĐÔNG BẮC
PHÁP TRƯỜNG
SỬU
HƯNG PHÚC
QUÝ
TỰ ĐIỂU
VƯỢNG TRÁNG
TÝ
QUAN QUỶ
HỢI
QUAN TƯỚC
CẤN
TỐ TỤNG
TUẤT
TÂY BẮC
TRƯỜNG BỆNH
TÁN
TIỀN TÀI
DẬU
ÔN HOÀNG
CANH
TÂY
THÂN
BỤC PHỤC
KHÔN - KỶ
VƯỢNG TÀI
MÙI
BÀI TUYỆT
TÂY NAM
BÍNH
NGỌ
ĐINH
XƯƠNG DẨM
THẦN HỒN
HOẢN LẠC
NAM

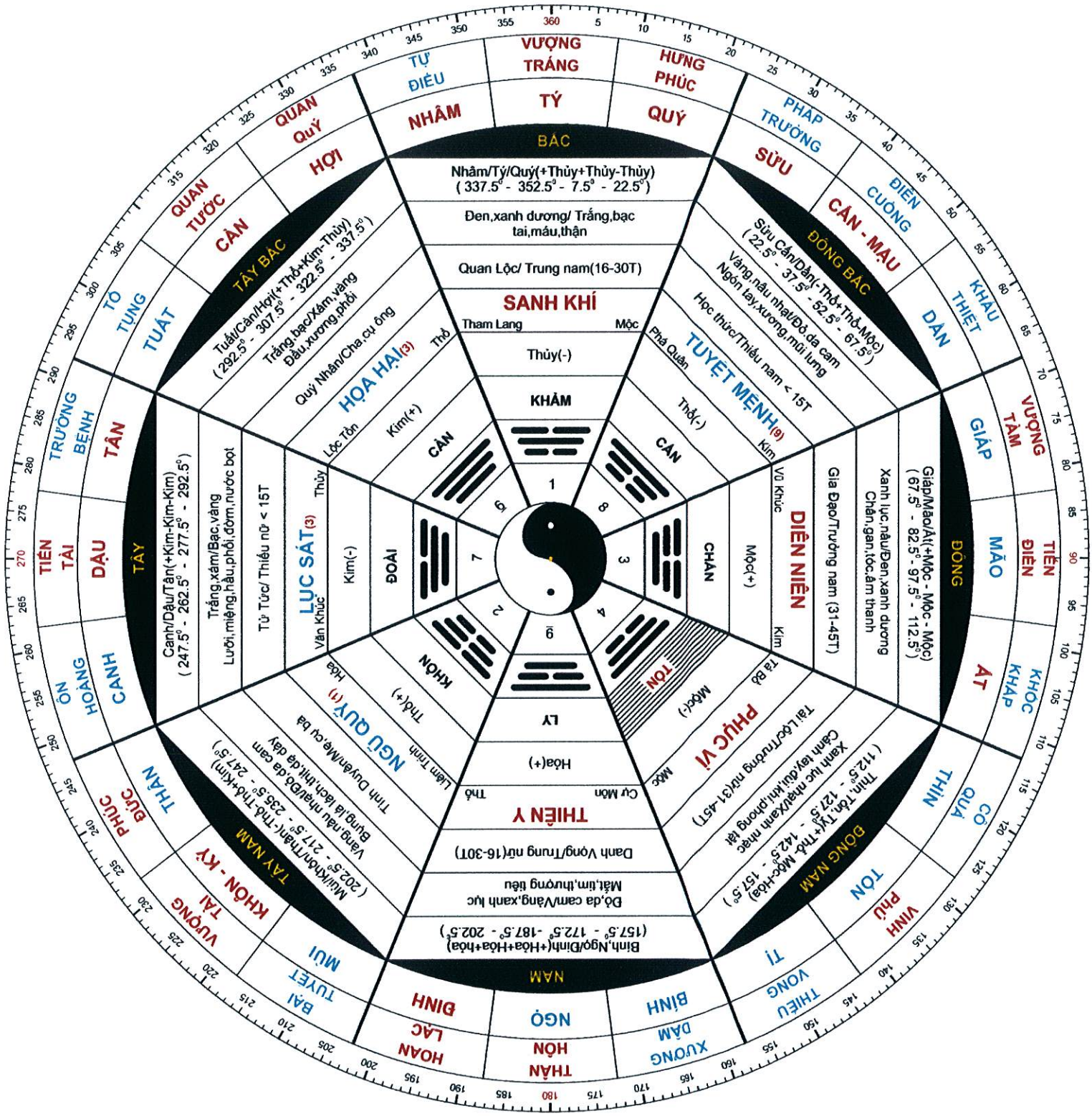

CẤN
BẮC
ĐÔNG
NAM
TÂY
T.B
Đ.B
Đ.N
T.N
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
NGŨ QUỶ
PHỤC VỊ
LỤC SÁT
TUYỆT MỆNH
HỎA HẢI
SANH KHÍ
THIÊN Y
DIÊN NIÊN
THỦY
KIM
MỘC
THỔ
HỎA
TIỀN TÀI
ÔN HOÀNG
TRƯỜNG BỆNH
TỔ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUỶ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRẠNG
HƯNG PHÚC
ÁT
PHẢ PHẠ
TRƯỜNG
BIỆN CƯỜNG
TỐN
KHẨU THIỆT
TỈ
VƯỢNG TÂM
NGỌ
BÍNH
TIỀN BIỆN
KHỐC KHẤP
MÙI
CỔ QUẢ
BÍNH
VĨNH PHỤ
KHÔN - KỶ
THIỂU VONG
THẦN
XƯƠNG ĐẢM
CANH
THẦN HỒN
DẬU
HOẠN LẠC
TÂN
BẠI TUYỆT
TUẤT
VƯỢNG TÀI
CAN
PHÚC ĐỨC
HỢI
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẠU
DẦN
GIÁP
MÃO
LIÊM TRINH
THAM LANG
CỰ MÔN
VŨ KHÚC
VĂN KHÚC
PHÁ QUÂN
LỘC TỒN

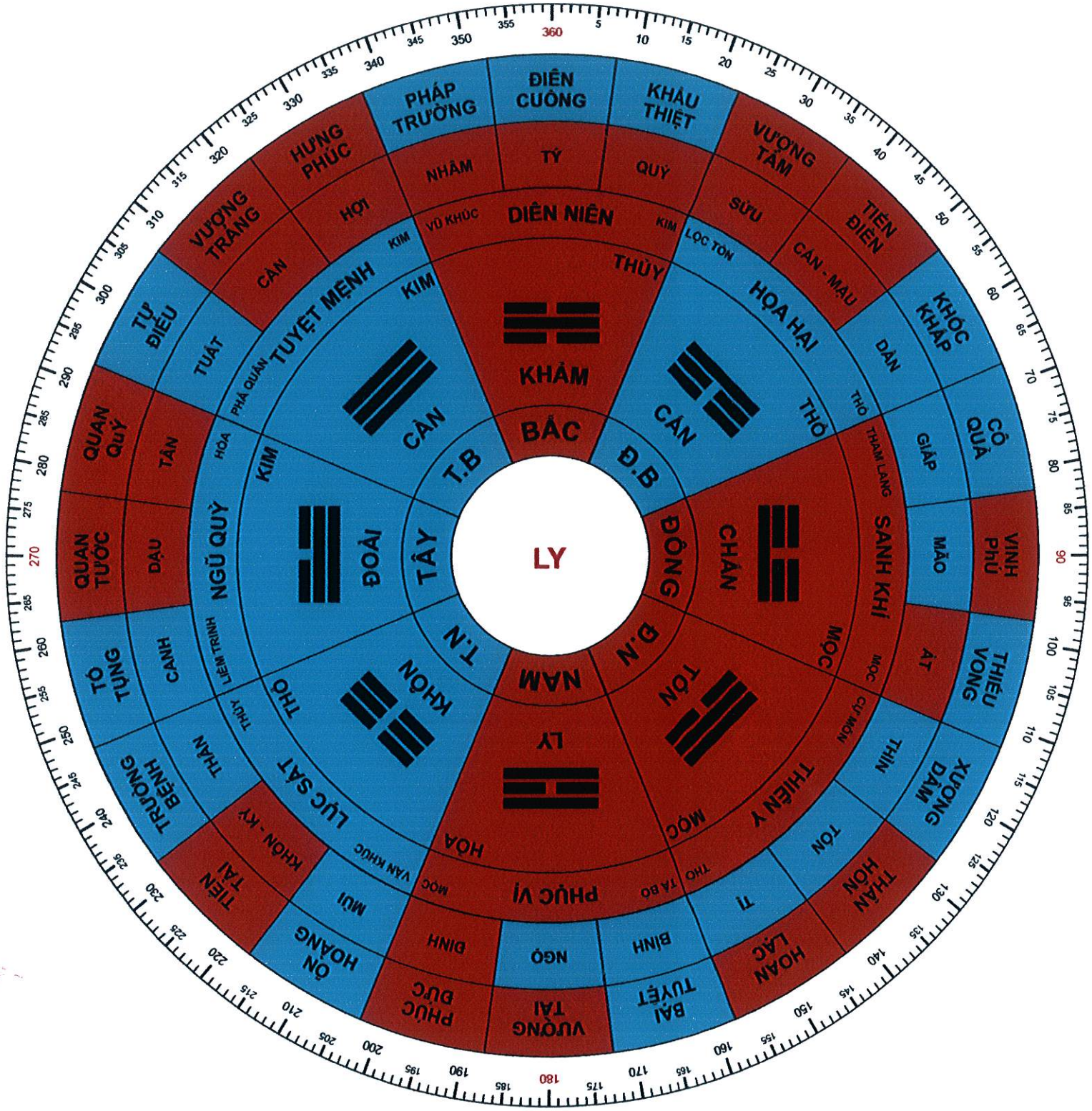

BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
NGŨ QUỶ(2)
Liêm Trinh
Hỏa
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TÂY BẮC
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Kim(+)
CÀN
6
PHÚC ĐỨC
VƯỢNG TÀI
HỢI
CAN
TUẤT
BẠI TUYỆT
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
PHỤC VỊ
Tả Bổ
Thổ(-)
CẤN
8
SỬU
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
CẤN - MẬU
DẦN
QUAN QUỶ
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
DIÊN NIÊN
Kim
Võ Khúc
Kim(-)
ĐOÀI
7
TÂN
HOAN LẠC
THÂN HỒN
DẬU
CANH
XƯƠNG ĐÁM
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
LỤC SÁT (7)
Văn Khúc
Mộc(+)
CHẤN
3
GIÁP
TỰ ĐIỀU
MÃO
VƯỢNG TRẠNG
ẤT
HƯNG PHÚC
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỷ(+Thổ-Mộc+Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt
Chân,tay,đùi,kh,phong đật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
TUYỆT MỆNH(6)
Phá Quân
Mộc(-)
Kim
TỐN
4
THÌN
PHÁP TRƯỜNG
TỐN
ĐIỆN CUỒNG
TỈ
KHẨU THIỆT
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
HỎA HẢI(7)
Lộc Tồn
Thổ
Hỏa(+)
LY
9
BÍNH
TIỀN ĐIỆN
NGỌ
KHỔC KHẤP
BÍNH
VƯỢNG TẨM
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
SANH KHÍ
Tham Lang
Thổ(+)
KHÔN
2
MÙI
CỐ QUẢ
KHÔN - KỶ
VINH PHÚ
THẦN
VƯỢNG THIÊN

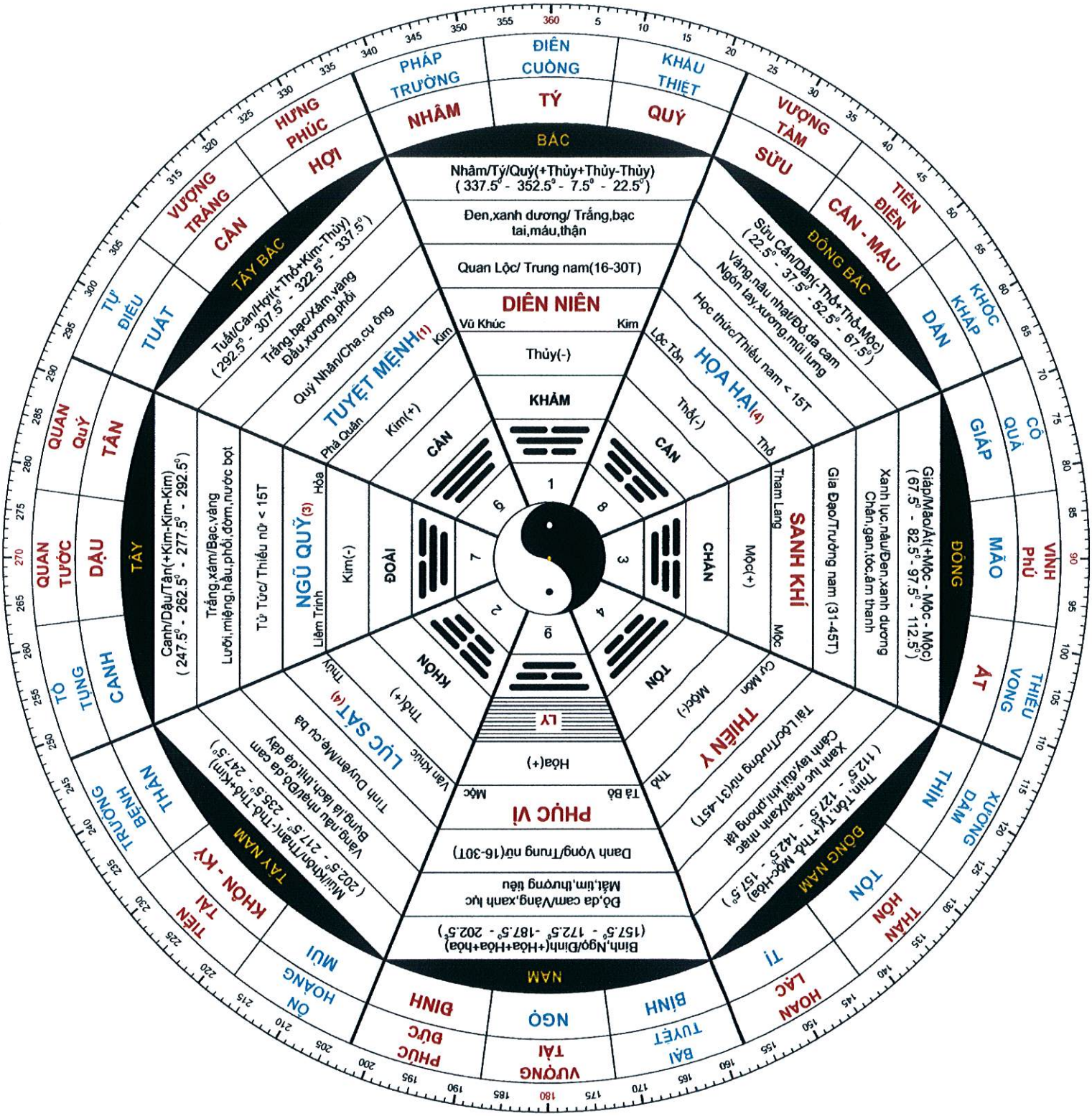

CHẤN
ĐÔNG
TỐN
MỘC
DIỆN NIÊN
PHỤC VỊ
TẢ BỒ
MỘC
VŨ KHÚC
ĐỘC
TỐN
TỤNG
THIÊN
ĐỘC
TỐN
QUAN
TƯỚC
TỐN
QUAN
QUỶ
TỐN
TỬ
DIỆU
TỐN
BỊNH
TỐN
NGỌ
TỐN
VƯỢNG
TRẠNG
TỐN
HƯNG
PHÚC
TỐN
ĐINH
TỐN
MÙI
TỐN
LỘC TỒN
MỘC
SANH KHÍ
THAM LANG
KIM
TỐN
PHÁP
TRƯỢNG
TỐN
KHÔN - KỶ
TỐN
BIỆN
CƯỜNG
TỐN
KHẨU
THIỆT
TỐN
THẦN
TỐN
THỔ
HỎA HẢI
THỔ
TỐN
KHÔN
NAM
T.N
LY
HỎA
ĐOÀI
TÂY
KIM
T.B
CANH
TỐN
VƯỢNG
TẠM
TỐN
DẬU
TỐN
TIỀN
ĐIỀN
TỐN
TÂN
TỐN
KHỐC
KHẤP
TỐN
KIM
TỐN
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
THỔ
TỐN
KIM
TỐN
LIÊM TRINH
TỐN
NGŨ QUỶ
KIM
TỐN
CÀN
T.B
BẮC
KHẢM
THỦY
CÀN
Đ.B
CÀN
LỤC SÁT
THỔ
THỦY
TỐN
DẦN
TỐN
PHÚC
ĐỨC
TỐN
CĂN - MẠU
TỐN
VƯỢNG
TÀI
TỐN
SỬU
TỐN
BẠI
TUYỆT
TỐN
HOẠN
LẠC
TỐN
QUÝ
TỐN
THẦN
HỒN
TỐN
TÝ
TỐN
XƯƠNG
DÂM
TỐN
NHÂM
TỐN
THIẾU
VONG
TỐN
HỢI
TỐN
VINH
PHÚ
TỐN
CĂN
TỐN
CỰ MÔN
THỔ
TỐN
VĂN KHÚC
THỦY
TỐN
HÓA
TỐN
CỔ
QUẢ
TỐN
TUẤT
TỐN
KHỐC
KHẤP
TỐN
TÂN
TỐN
TIỀN
ĐIỀN
TỐN
DẬU
TỐN
VƯỢNG
TẠM
TỐN
CANH
TỐN
KHẨU
THIỆT
TỐN
THẦN
TỐN
THỔ
HỎA HẢI
THỔ
TỐN
KHÔN - KỶ
TỐN
BIỆN
CƯỜNG
TỐN
PHÁP
TRƯỢNG
TỐN
MÙI
TỐN
LỘC TỒN
MỘC
SANH KHÍ
THAM LANG
KIM
TỐN
HƯNG
PHÚC
TỐN
ĐINH
TỐN
NGỌ
TỐN
VƯỢNG
TRẠNG
TỐN
TỬ
DIỆU
TỐN
BỊNH
TỐN
QUAN
QUỶ
TỐN
TỬ
TỐN
QUAN
TƯỚC
TỐN
TỐN
TỤNG
TỐN
THIÊN
TỐN
ĐỘC
TỐN
TRƯỜNG
BỆNH
TỐN
ÁT
TỐN
MÃO
TỐN
TIỀN
TÀI
TỐN
ÔN
HOÀNG
TỐN
GIÁP
TỐN
PHÚC
ĐỨC
TỐN
DẦN
TỐN
VƯỢNG
TÀI
TỐN
CĂN - MẠU
TỐN
BẠI
TUYỆT
TỐN
SỬU
TỐN
HOẠN
LẠC
TỐN
QUÝ
TỐN
THẦN
HỒN
TỐN
TÝ
TỐN
XƯƠNG
DÂM
TỐN
NHÂM
TỐN
THIẾU
VONG
TỐN
HỢI
TỐN
VINH
PHÚ
TỐN
CĂN
TỐN
CỰ MÔN
THỔ
TỐN
VĂN KHÚC
THỦY
TỐN
HÓA
TỐN
CỔ
QUẢ
TỐN
TUẤT
TỐN
KHỐC
KHẤP
TỐN
TÂN
TỐN
TIỀN
ĐIỀN
TỐN
DẬU
TỐN
VƯỢNG
TẠM
TỐN
CANH
TỐN
KHẨU
THIỆT
TỐN
THẦN
TỐN
THỔ
HỎA HẢI
THỔ
TỐN
KHÔN - KỶ
TỐN
BIỆN
CƯỜNG
TỐN
PHÁP
TRƯỜ

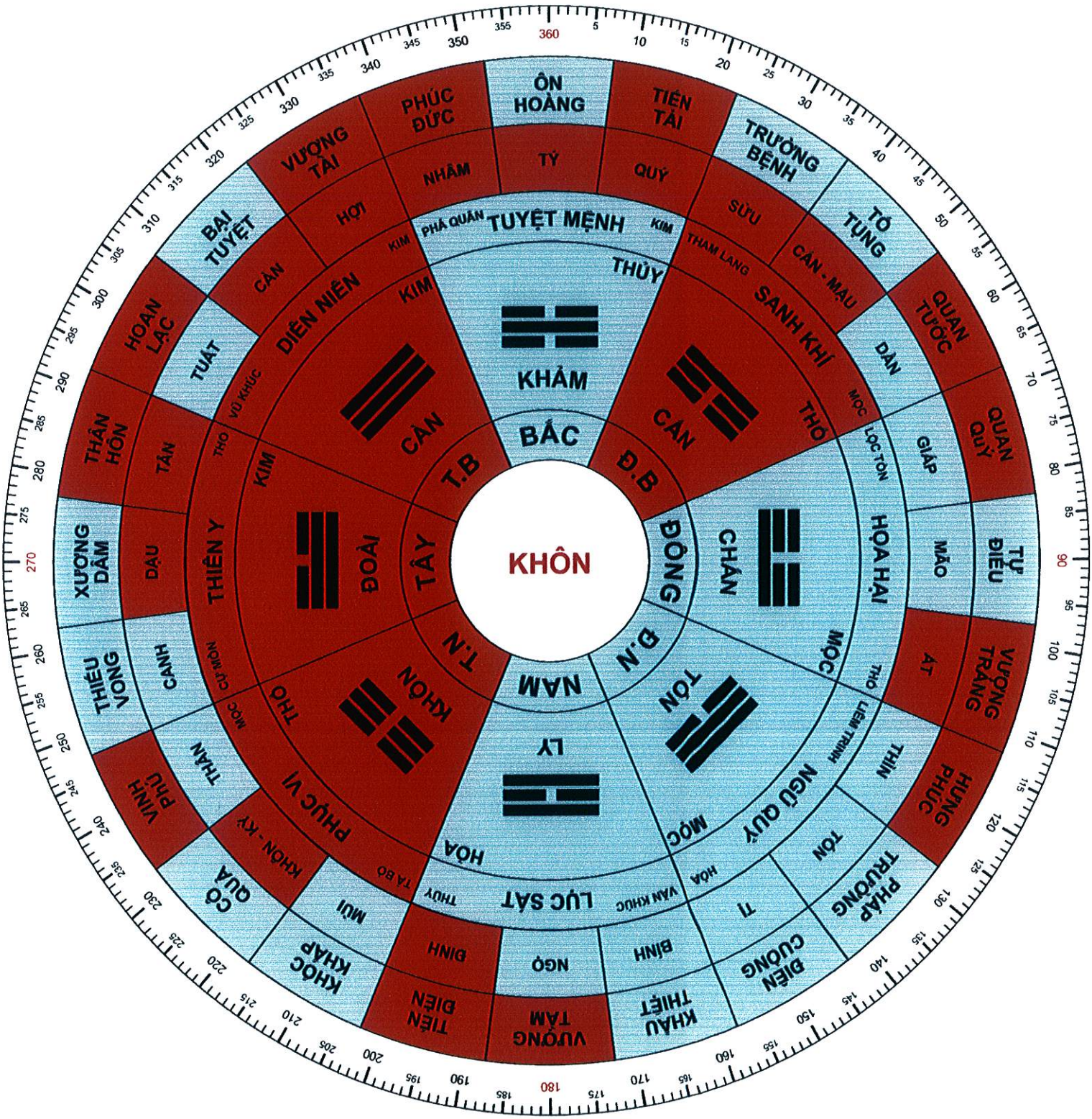

BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
THÂN
HÔN
HOAN
LẠC
XƯƠNG
DÂM
THIÊU
VONG
HỢI
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
LỤC SÁT (4)
Văn Khúc
Thổ(-)
Thủy
CẤN
8
SỬU
DẦN
BẠI
TUYỆT
VƯỢNG
TÀI
CẤN - MẠU
PHÚC
ĐỨC
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
PHỤC VỊ
Tả Bổ
Mộc
Mộc(+)
CHẤN
3
MÃO
GIÁP
ÔN
HOÀNG
TIỀN
TÀI
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
DIỄN NIÊN
Vu Khúc
Mộc(-)
Kim
TỐN
4
TỐN
TỴ
THÌN
TỤC
QUAN
QUÝ
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thương tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Hỏa(+)
LY
9
BÍNH
NGỌ
VỢ/NG
TRẮNG
BÍNH
PHỤC
HƯNG
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,chi,da dày
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
HỎA HẠI (4)
Lộc Tồn
Thổ(+)
Thổ
KHÔN
2
KHÔN - KỶ
PHÁP
TRƯỜNG
MÙI
KHIÊM
CUỒNG
ĐIỀN
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
TUYỆT MỆNG (1)
Phá Quân
Kim
Kim(-)
ĐOÀI
7
CANH
TÂN
KHỌC
KHẤP
TIỆN
ĐIỆN
DẬU
VƯỢNG
TÀM
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
NGŨ QUỶ (9)
Liêm Trinh
Hỏa
Kim(+)
CÀN
6
TUẤT
CÔ
QUẢ
VINH
PHÚ
CẦN
THIẾT
KHẨU
THẦN

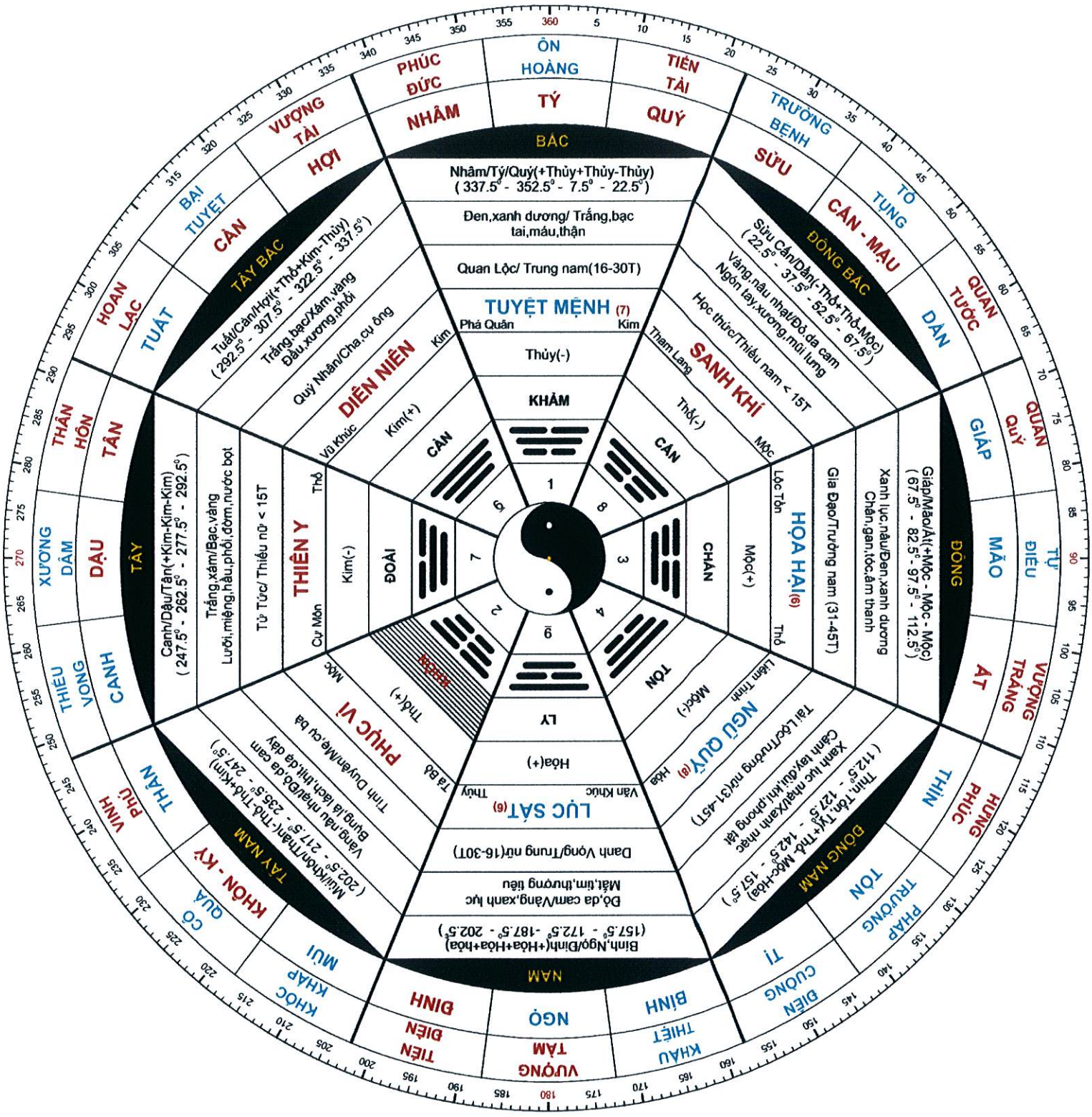

TỐN
BẮC
ĐÔNG
NAM
TÂY
T.B
Đ.B
Đ.N
T.N
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CẤN
SANH KHÍ
THỦY
TUYỆT MỆNH
DIÊN NIÊN
PHỤC VỊ
NGŨ QUỶ
LỤC SÁT
HỌA HẠI
VƯỢNG TRẠNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIỀN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÁM
TIỀN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CỔ QUẢ
VĨNH PHỤ
THIÊU VONG
XƯƠNG DÂM
THẦN HỒN
HOẢN LẠC
BÀI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHỤC BỨC
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TÓ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUỶ
TỰ ĐIỀU
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
DẬU
TÂN
CANH
TUẤT
HỢI
NHÂM
THAM LANG
CỰ MÔN
LIÊM TRINH
VÕ KHÚC
VĂN KHÚC
PHÁ QUÂN
THỔ
KIM
MỘC
THỦY
HỎA
KIM
THỔ
MỘC
KIM
THỔ
THỦY
KIM
THỔ
HỎA
MỘC
KIM
THỔ
MỘC
KIM
THỔ
THỦY
KIM
THỔ
MỘC


BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
VƯỢNG
TRÁNG
HƯNG
PHÚC
TỰ
ĐIỀU
PHÁP
TRƯỜNG
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
TUYỆT MỆNH(9)
Phá Quân
Thổ(-)
Kim
CẤN
8
SỬU
CẤN - MẬU
ĐIỀN
CUỒNG
KHẨU
THIỆT
DẦN
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
HỌA HẠI(3)
Lộc Tồn
Thổ
Kim(+)
CẤN
9
QUAN
QUÝ
HỢI
QUAN
TƯỚC
CẤN
TỐ
TỤNG
TUẤT
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Mộc(+)
CHẤN
3
GIÁP
MÃO
ẤT
VƯỢNG
TÀM
TIỀN
ĐIỀN
KHOC
KHẤP
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đơm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
LỤC SÁT(3)
Văn Khúc
Thủy
Kim(-)
ĐOÀI
7
TRƯỜNG
BỆNH
TÂN
DẬU
TIỀN
TÀI
ÔN
HOÀNG
CANH
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 232.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,ỉa lỏng,hậu môn,dạ dày
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
NGŨ QUỶ(1)
Liêm Trinh
Thổ(+)
KHÔN
2
THẦN
KHÔN - KỶ
VƯỢNG
TÀI
MÙI
BÀI
TUYỆT
PHỤC
ĐỨC
THẦN
ĐÔNG NAM
Tốn,Thổ-Tốn,Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục,màu/Xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
PHỤC VỊ
Tả Bổ
Mộc(-)
TỐN
4
TỐN
TỴ
VONG
THIÊU
TỈ
VĨNH
PHÚ
TỐN
CỔ
QUA
THÌN
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thương tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Hỏa(+)
LY
9
BÍNH
NGỌ
ĐINH
HOẢN
LẠC
THẦN
HỒN
XƯƠNG
DÂM
BÍNH
MỘ
THIÊU
VONG
TỈ
VĨNH
PHÚ
TỐN
CỔ
QUA
THÌN
0
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
360

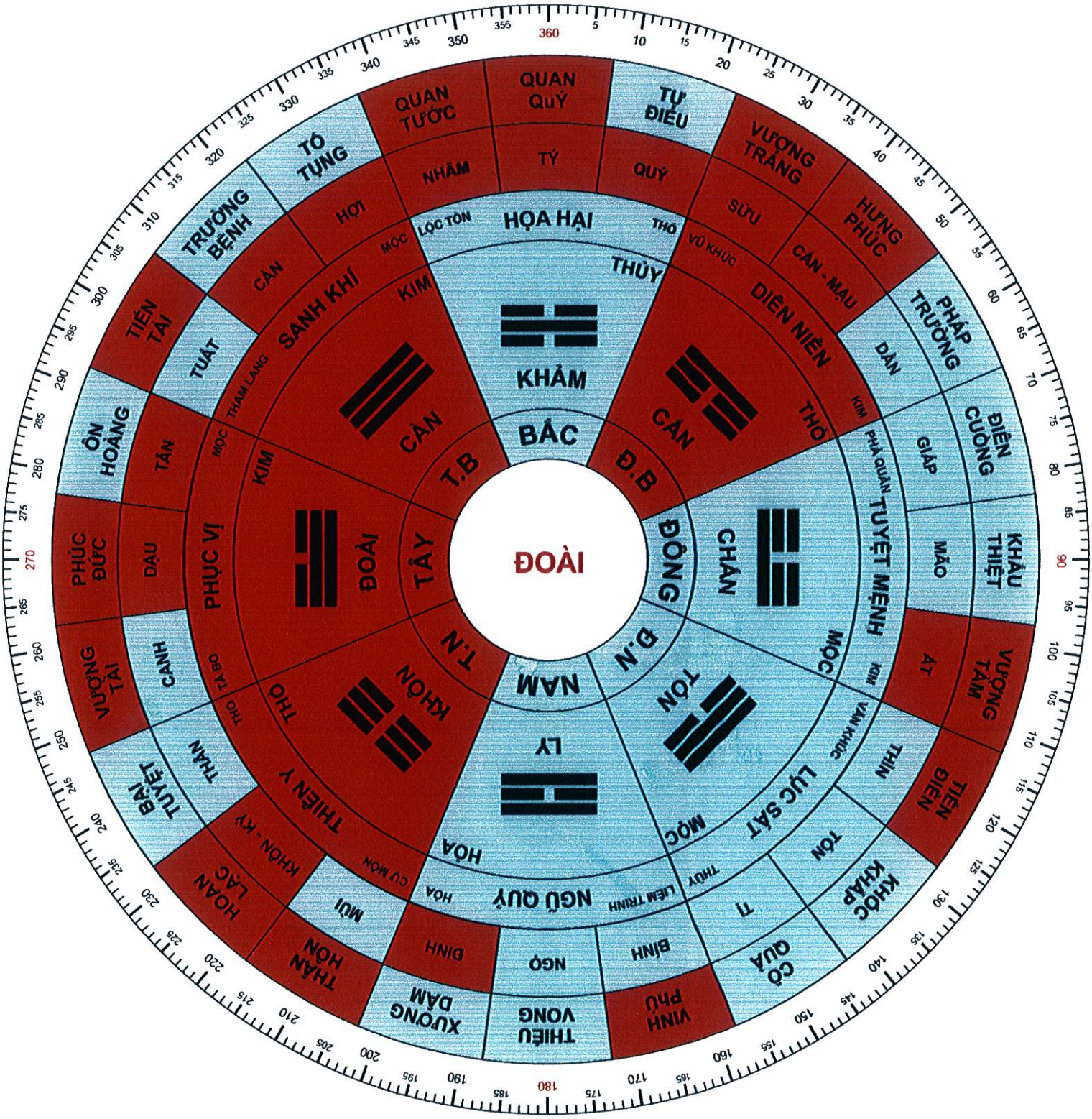

LY
BẮC
ĐÔNG
NAM
TÂY
Đ.B
T.B
Đ.N
T.N
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CẤN
HỌA HẠI
SANH KHÍ
THIÊN Y
PHỤC VỊ
LỤC SÁT
NGŨ QUỶ
TUYỆT MỆNH
DIÊN NIÊN
THỦY
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
THỦY
KIM
TÝ
SỬU
DẦN
MÃO
THÌN
TỴ
NGỌ
MÙI
THÂN
DẬU
TUẤT
HỢI
TIỀN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CỐ QUẢ
VĨNH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THẦN HỘN
HOẠN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ĐỊNH
ÔN HOÀNG
TIỆN TÀI
KHÔN - KỴ
TRƯỜNG BỆNH
TỘ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUỶ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRẠNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TẨM
CẤN - MẠU
LỘC TỒN
VŨ KHÚC
PHÁ QUÂN
LIÊM TRINH
THAM LANG
CỰ MÔN
VĂN KHÚC
TẢ BỒ
HỮU BẬT
CANH
TÂN
GIÁP
ẤT
BÍNH
ĐINH
MẬU
KỶ
CANH
TÂN
NHÂM
QUÝ
THÌN
TỐN
TỴ
NGỌ
MÙI
THÂN
DẬU
TUẤT
HỢI
TÝ
SỬU
DẦN
MÃO
THÌN
TỐN
TỴ
NGỌ
MÙI
THÂN
DẬU
TUẤT
HỢI
TÝ
SỬU
DẦN
MÃO
0
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
360

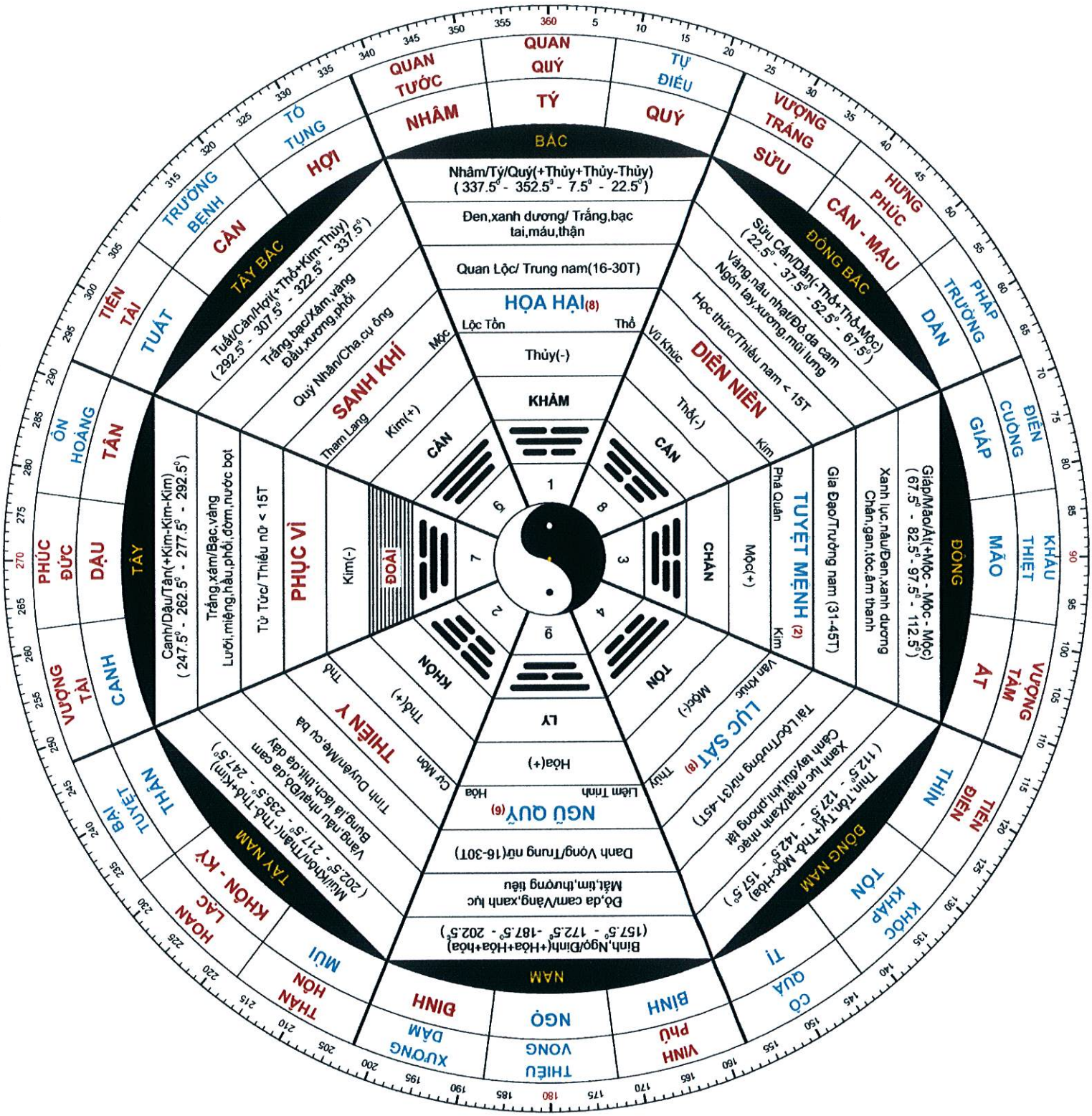

BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẢU THIỆT
HƯNG PHÚC
HỢI
VƯỢNG TÀM
SỬU
TIÊN ĐIÊN
CẤN - MẠU
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
HỌA HẠI(4)
Lộc Tồn
Thổ(-)
CẤN
8
Thổ
VƯỢNG TRÁNG
CẤN
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
TUYỆT MỆNH(1)
Phá Quân
Kim(+)
Kim
CẤN
9
Kim
TỰ ĐIỀU
TUẤT
QUAN QUÝ
TÂN
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
NGŨ QUỶ(3)
Liêm Trinh
Hỏa
Kim(-)
ĐOÀI
7
QUAN TƯỚC
DẬU
TÒ TÙNG
CANH
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Mộc(+)
CHẤN
3
GIÁP
MÃO
ẤT
ĐÔNG
CỐ QUÁ
VĨNH PHÚ
THIÊU VONG
Thìn, Tốn, Tỷ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục,nhạt/Xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phổng lát
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
THIÊN Y
Cự Môn
Mộc(-)
TỐN
4
Thổ
THÌN
TỐN
ĐỒNG NAM
XƯƠNG DÂM
TỐN
THẦN HỒN
HOẠN LẠC
TỈ
LY
9
Hỏa(+)
Tả Bồ
Mộc
PHỤC VỊ
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
NAM
BÍNH
TUYỆT
ĐẠI
NGỌ
VƯỢNG TÀI
BÍNH
PHỤC ĐỨC
MÙI
ÔN HOÀNG
KHÔN - KỶ
TIỀN TÀI
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tỉnh Duyên/Mẹ,cụ bà
LỤC SÁT(4)
Thủy
Thổ(+)
KHÔN
2
Vàn Khúc
THÂN
TRƯỜNG BỆNH
THÂN
KHÔN
THẦN HỒN
HOẠN LẠC
TỈ


KHÔN
BÁC
ĐÔNG
NAM
TÂY
T.B
Đ.B
Đ.N
T.N
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CẤN
TUYỆT MỆNH
SANH KHÍ
HỌA HẠI
NGŨ QUỶ
LỤC SÁT
PHỤC VỊ
THIÊN Y
DIÊN NIÊN
KIM
THỦY
MỘC
HỎA
THỔ
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỔ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUỶ
TỬ ĐIỂU
VƯỢNG TRẠNG
PHỤC BINH
PHÁP TRƯỜNG
DIỆN CƯỜNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÁM
TIỀN DIỆN
BỊNH
NGỌ
MÙI
KHỐC KHẤP
CỔ QUẢ
VĨNH PHỦ
THẢM
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THẦN HỒN
HOÀN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẠU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
HỎA
NGỌ
BỊNH
MÙI
KHỐN - KỶ
TÂN
DẬU
CANH
THÂN
HỢI
NHÂM
PHÁ QUÂN
THAM LANG
LỘC TỒN
LIÊM TRINH
VÕ KHÚC
CỰ MÔN
VĂN KHÚC
TẢ BỒ


BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
TUYỆT MỆNH (7)
Phá Quân
Kim
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
VƯỢNG TÀI
HỢI
TRƯỜNG BỆNH
SỬU
BẠI TUYỆT
CẤN
TỐ TỤNG
CẤN - MẬU
HOÀN LẠC
TUẤT
QUAN TƯỚC
DẦN
TÂY BẮC
Tuất/Cấn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Quý Nhâm/Cha,cụ ông
DIỄN NIÊN
Kim
Vũ Khúc
Kim(+)
CẤN
8
Học thức/Thiếu nam < 15T
SANH KHÍ
Tham Lang
Thổ(-)
CẤN
Mộc
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
HỌA HẠI (6)
Lộc Tồn
Thổ
Mộc(+)
CHẤN
3
ĐÔNG
GIÁP
QUÝ
QUAN
MÃO
TỰ
ĐIỀU
ẤT
VƯỢNG
TRÁNG
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
THIÊN Y
Thổ
Cự Môn
Kim(-)
ĐOÀI
7
TÂY
THẦN
HÔN
TÂN
XƯƠNG
DÂM
DẬU
THIẾU
VONG
CANH
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thương tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
LỤC SÁT (6)
Vân Khúc
Thủy
Hỏa(+)
LY
9
NAM
BÍNH
NGỌ
VƯỢNG TẨM
KHẢU THIỆT
ĐIỀN CƯỜNG
TỈ
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
Cảnh lạy,đùi,khí,phòng tắt
Xanh lục nhạt/Xám nhạt
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc+Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
NGỌ GUỸ (6)
Liêm Trinh
Hỏa
Mộc(-)
TỐN
4
ĐÔNG NAM
THÌN
PHÚC
TỐN
TRƯỜNG
PHÁP
Mùi,Khôn,Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,khí,cơ bắp
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Thổ(+)
KHÔN
Mộc
2
TÂY NAM
KHÔN - KỶ
VINH
PHÚ
THẦN
KHỐC
KHẤP
MŨI
CỔ
QUA
Tiền Điền
Đinh
Tiền Điền
Khô Tháo
Khô Tháo
Khô Tháo

C


ĐOÀI
BÁC
ĐÔNG
NAM
TÂY
T.B
Đ.B
Đ.N
T.N
CÀN
KHẢM
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
HỌA HẠI
DIÊN NIÊN
SANH KHÍ
THIÊN Y
PHỤC VỊ
TUYỆT MỆNH
NGŨ QUỶ
LỤC SÁT
QUAN QUỶ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRẠCH
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIỀN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÁM
TIỀN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CỐ QUẢ
VĨNH PHỦ
THIÊU VONG
XƯƠNG DÂM
THẦN HỒN
HOẠN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUÝ
TÝ
NHÂM
HỢI
CAN
TUẤT
TÂN
DẬU
CANH
THÂN
MÙI
KHÔN - KỶ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
THÌN
TỐN
TỴ
SỬU
CAN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT


BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
HỌA HẠI(8)
Lộc Tồn
Thổ
Thủy(-)
KHẢM
1
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
Vũ Khúc
DIÊN NIÊN
Thổ(-)
Kim
8
CẤN
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
Phá Quân
TUYỆT MỆNH (2)
Kim
Mộc(+)
3
CHẤN
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ- Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt
Chân tay,dui,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
Văn Khúc
LỤC SÁT (8)
Thủy
Mộc(-)
4
TỐN
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thương tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
NGŨ QUỶ(6)
Liêm Trinh
Hỏa
Hỏa(+)
LY
9
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,tỉnh,dạ dày
Tính Duyên/Mẹ,cụ bà
Cự Môn
Thổ(+)
THIÊN Y
Thổ
KHÔN
2
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Từ Tức/ Thiếu nữ < 15T
Kim(-)
ĐOÀI
PHỤC VỊ
7
TÂY BẮC
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
Tham Lang
SANH KHÍ
Mộc
Kim(+)
6
CÀN
QUAN TƯỚC
NHÂM
QUAN QUÝ
TÝ
TỰ ĐIỀU
QUÝ
VƯỢNG TRẠNG SỬU
CẤN - MẬU
HƯNG PHÚC
DẦN
PHÁP TRƯỜNG
GIÁP
ĐIỀN CƯỜNG
MÃO
KHẨU THIỆT
ẤT
VƯỢNG TÁM
THÌN
ĐIỀN TIỀN
TỐN
KHỔC KHẨP
TỊ
CỔ QUẢ
BÍNH
VĨNH PHÚ
NGỌ
THIỀU VONG
ĐINH
XƯƠNG DÂM
THẦN HỐN
MÙI
KHÔN - KỶ
HOẠN LẠC
THÂN
TUYỆT BẢN
DẬU
PHÚC ĐỨC
CANH
VƯỢNG TÀI
TÂN
ÔN HOÀNG
TUẤT
TIỀN TÀI
CÀN
TRƯỜNG BỆNH
HỢI
TÓ TỤNG